



BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC LỖ CHÍNH TẢ CHO HỌC SINH TIỂU HỌC NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở MỘT SỐ TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC

ThS. TRẦN THỊ KIM HOA

Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên

1. Đặt vấn đề

Chính tả có vai trò quan trọng trong việc hoàn thiện các kĩ năng sử dụng ngôn ngữ. Viết đúng chính tả ngay từ những năm đầu của cấp Tiểu học sẽ là nền tảng giúp các em sử dụng đúng tiếng Việt trong suốt cuộc đời của mình. Trong sách giáo khoa môn Tiếng Việt tiểu học, chính tả là phân môn mà học sinh (HS) bắt buộc phải học cùng với các phân môn khác như: Luyện từ và câu, Tập viết, Tập làm văn... Toàn bộ kiến thức chính tả tiếng Việt được dạy cho HS từ lớp 1 đến hết lớp 5 của cấp Tiểu học. Trong chương trình, HS luyện tập ngay các quy tắc chính tả học được vào thực tế các bài tập làm văn và một số dạng bài tập khác.

Trong bài viết này, chúng tôi tiến hành khảo sát lỗi chính tả của HS dân tộc Tày, Nùng ở một số trường tiểu học thuộc tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, trên cơ sở ngữ liệu là các bài kiểm tra định kì của HS lớp 4, lớp 5, từ đó đề xuất một số giải pháp khắc phục lỗi chính tả của HS tiểu học dân tộc Tày, Nùng.

2. Khảo sát lỗi chính tả của HS dân tộc Tày, Nùng ở một số trường tiểu học thuộc tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn

Khi khảo sát lỗi, chúng tôi tuân thủ các nguyên tắc sau: Thứ nhất, tôn trọng chính tả hiện hành (cách viết trong từ điển).

Thứ hai, xét một âm tiết, một từ đặt trong văn cảnh của nó.

Căn cứ vào cấu tạo âm tiết, chúng ta có thể khảo sát và phát hiện ra các lỗi sai của HS.

Để đánh giá chất lượng chính tả của HS phải căn cứ trên sản phẩm giao tiếp bằng chữ viết của HS là bài làm tập làm văn của HS. Trong quá trình tạo lập văn bản viết, HS phải chú trọng huy động vốn từ của mình. Những chữ các em viết ra thuộc về vốn chữ nghĩa của các em. Trong quá trình khảo sát, chúng tôi chỉ sử dụng một bài trên một HS.

Với các lỗi chúng tôi gặp trong bài viết của HS dân tộc Tày, Nùng học tiếng Việt thì lỗi về chính tả và dùng từ chiếm đa số. Trong quá trình khảo sát, chúng tôi tập trung thống kê các từ, cụm từ mà chúng tôi cho rằng đó là những sai sót trong việc thể hiện viết sai chính tả. Tuy nhiên, lỗi của từng HS là không giống nhau. Vì vậy, trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi tập trung khảo sát những lỗi xuất hiện với tần số cao, nghĩa là những lỗi mà hầu hết người học đều mắc phải trong quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ hai. Trên cơ sở thống kê phân loại, chúng tôi đã đưa ra một số lượng lỗi đủ lớn để miêu tả, phân tích và xác định nguyên nhân mắc lỗi, từ đó đề xuất các giải pháp chữa lỗi.

Trên cơ sở khảo sát 757 bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt (bài Tập làm văn) của HS dân tộc Tày, Nùng ở hai khối lớp 4, 5 tại một số trường tiểu học ở tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, chúng tôi thu được kết quả như sau:

Tổng số bài mắc lỗi: 675 bài, chiếm 89,2% số bài đã khảo sát.

Tổng số bài không mắc lỗi: 82 bài, chiếm 10,8% số bài đã khảo sát. Tổng số lỗi đã thống kê được: 4050 lỗi.

Khi xác định bài mắc lỗi chính tả, chúng tôi dựa trên quy tắc chính tả hiện hành để xác định lỗi. Vì vậy, nếu

trong bài viết của HS có từ viết sai quy tắc chính tả tiếng Việt thì được coi là mắc lỗi.

Kết quả phân loại lỗi chính tả tiếng Việt của HS dân tộc Tày, Nùng ở một số trường tiểu học của tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn được tóm tắt bằng bảng 1 sau:

Bảng 1: Kết quả phân loại lỗi chính tả tiếng Việt của HS dân tộc Tày, Nùng ở một số trường tiểu học của tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn

| Các loại lỗi chính tả | | Số lượng | Tỉ lệ % | Tổng số |
|-----------------------|---------------------------------|----------|---------|----------------|
| Lỗi phụ âm đầu | Nhầm lẫn s → x | 217 | 17,3% | 1252 30,91% |
| | Nhầm lẫn x → s | 203 | 16,2% | |
| | Nhầm lẫn tr → ch | 245 | 19,6% | |
| | Nhầm lẫn ch → tr | 286 | 22,8% | |
| | Nhầm lẫn r, gi → d | 299 | 23,8% | |
| Phân vần | Nguyên âm đôi /uo/, /uɔx/, /ie/ | 294 | 20,9% | 1405 34,69% |
| | ớt → ươt | 211 | 15% | |
| | ơ → ươ | 237 | 16,3% | |
| | ê → yê | 216 | 15,3% | |
| | ưu → iu | 275 | 19,5% | |
| Âm cuối | M, n, ng → p, t, k | 172 | 12,2% | |
| Thanh điệu | ~ → ´ | 1395 | 34,4% | 34,4% |

Từ kết quả khảo sát trên, chúng tôi nhận thấy số bài mắc lỗi chiếm tỉ lệ tương đối cao. Trong số những bài mắc lỗi có những bài mắc 3 lỗi, 5 lỗi hoặc 8 lỗi, thậm chí có bài mắc tới 27 lỗi.

3. Nguyên nhân mắc lỗi chính tả

- Do hiện tượng giao thoa ngôn ngữ: HS dân tộc Tày, Nùng học tiếng Việt là học ngôn ngữ thứ hai. Vì vậy, hiện tượng mắc lỗi là điều khó tránh khỏi. Những ảnh hưởng của giao thoa tiêu cực sẽ gây trở ngại cho quá trình tiếp thu tiếng Việt. HS dân tộc Tày, Nùng không thể nhận biết được những đặc trưng của tiếng Việt dẫn đến đồng nhất những thuộc tính của tiếng Việt với các hiện tượng của tiếng Tày - Nùng. Ví dụ, về thanh điệu, những từ tiếng Việt mang thanh "ngã" được HS thể hiện thành thanh "sắc". Nguyên nhân của hiện tượng trên là do tiếng Tày - Nùng không có thanh tương ứng với thanh "ngã" trong tiếng Việt. Hay phụ âm đầu, trong tiếng Tày - Nùng không có các phụ âm quặt lưỡi như s, r, tr cho nên các từ có chứa các phụ âm này hầu hết đều được HS viết thành các phụ âm không quặt lưỡi tương ứng. Về phần vần, HS hay mắc lỗi ở các âm tiết có chứa nguyên âm đôi. Ví dụ như: *tuyền chiến / tuên chiến, luống / lống, lương / long...* Nguyên nhân của hiện tượng mắc lỗi này do trong tiếng Nùng (hay phương ngữ Nùng) không có các nguyên âm đôi. Do đó, khi gặp những âm tiết có chứa nguyên âm đôi sẽ dễ dẫn đến hiện tượng mắc lỗi như trên.

- Do các em chưa có động cơ, thái độ đúng đắn trong việc học và rèn luyện viết chính tả, khi viết các em còn lơ là, không tập trung vào bài viết, lâu ngày thành thói quen cầu thả "viết quen tay".

- Do các em không nắm được nguyên tắc kết hợp các chữ cái, quy tắc viết hoa trong tiếng Việt, không nắm được vị trí phân bố giữa các kí hiệu.

- Do các em chưa hiểu nghĩa của từ, chưa nhớ đầy đủ các quy tắc chính tả vì quá trình học chính tả có liên quan mật thiết với quá trình trí nhớ. Những lỗi chính tả do không nhớ đầy đủ các quy tắc chính tả như lẫn lộn các phụ âm đầu, các nguyên âm...

- Nhiều em có hoàn cảnh gia đình khó khăn, ngoài thời gian học trên lớp, các em còn phải giúp đỡ gia đình như: Làm việc ngoài đồng, chăn trâu, trông em... Các em ít có điều kiện học tập, rèn luyện và đọc thêm sách báo nên vốn từ ngữ của các em không được mở rộng.

Kết quả khảo sát cho chúng ta thấy, lỗi chính tả của HS có nguyên nhân chủ yếu do ảnh hưởng của giao thoa ngôn ngữ. Nguyên nhân thứ hai do chữ viết cầu thả hoặc chưa nắm vững đặc điểm chữ viết cũng như các quy tắc chính tả tiếng Việt. Đây là hai nhóm lỗi cơ bản mà HS thường mắc phải.

4. Một số giải pháp chữa lỗi

4.1. Chữa lỗi chính tả tiếng Việt của HS dân tộc Tày, Nùng do ảnh hưởng bởi giao thoa ngôn ngữ

HS dân tộc Tày, Nùng cũng như HS thuộc các dân tộc thiểu số khác, do chịu ảnh hưởng của tập quán phát âm tiếng mẹ đẻ nên mặc dù đã biết nói tiếng Việt khá thành thạo vẫn mắc nhiều lỗi phát âm. Những lỗi phát âm tiếng Việt của các em có tính chất hệ thống, có quy luật, phổ biến ở trên nhiều bài viết của HS.

Trong việc ghi nhận và thể hiện ra chữ viết tiếng Việt, các em HS dân tộc Tày, Nùng mắc lỗi khi viết các nguyên âm đôi /uo/, /ux/, /ie/.

Sáu thanh điệu của tiếng Việt được HS phát âm thành năm thanh điệu. Nguyên nhân là do trong thanh điệu tiếng Tày - Nùng không có thanh "ngã", nên khi viết các em cũng hay viết sai các từ mang thanh "ngã" thành thanh "sắc".

Như vậy, nếu căn cứ trên các yếu tố cấu tạo văn tiếng Việt thì việc phát âm lệch chuẩn và viết sai chính tả ở HS dân tộc Tày, Nùng sẽ có 2 kiểu sau:

- Kiểu thứ nhất: Những vấn đề viết sai ở âm chính, ví dụ các vần *uyên* và *uên*, *văn iên* và *văn ên*, *văn uya* và *văn uê*...

- Kiểu thứ hai: Những vấn đề viết sai ở âm cuối, ví dụ các vần có *m, n, ng* ở cuối âm tiết và mang thanh nặng.

Xét các xu hướng mắc lỗi chính tả của HS dân tộc Tày, Nùng khi học tiếng Việt cũng như nguyên nhân gây ra lỗi, bước đầu chúng tôi đề nghị một số giải pháp khắc phục như sau:

4.1.1. Đối với lỗi ở bộ phận vần, giáo viên (GV) cần chú ý sửa lỗi về âm chính

Nguyên nhân của hiện tượng mắc lỗi này do HS phát âm sai nên dẫn đến viết không chuẩn. Vì vậy, GV cần phải giúp HS dân tộc Tày, Nùng phát âm tốt văn tiếng Việt. GV cũng cần chú ý đến những lỗi chính tả thường gặp và giải thích cho HS hiểu được nguyên nhân nảy sinh lỗi bằng việc phân tích các kiểu giao thoa. Đặc biệt cần tăng cường hướng dẫn các em luyện tập thể hiện đúng quy tắc chính tả với các từ tiếng Việt mà các em thường mắc lỗi. Chẳng hạn, GV cần giảng giải cho HS hiểu rõ về sự khác biệt giữa /ie/ với /e/, /uo/ với /o/, /ux/ với /x/. Ví dụ, /e/ là một nguyên âm đơn, còn /ie/ là nguyên âm đôi gồm hai yếu tố trước và sau. Yếu tố đầu bao giờ cũng phát âm mạnh hơn yếu tố sau, đây chính là nguyên tắc phát âm nguyên âm đôi tiếng Việt. Ngoài

ra, GV còn cần phải hướng dẫn HS phát âm những âm tiết có chứa nguyên âm đôi theo hình thức từ dễ đến khó. Đầu tiên, cho HS phát âm các nguyên âm đôi khi nó chưa kết hợp với các bộ phận khác của âm tiết như: /ie/, /uo/, /ux/. Tiếp đó, cho HS đọc các âm tiết có kết cấu: Âm đầu + nguyên âm đôi nhưng không có âm cuối (tia, mùa, lúa, ...), âm đầu + nguyên âm đôi + âm cuối (chiến, xuống, đuối, tương...), phụ âm đầu + âm đệm + nguyên âm + âm cuối (chuyên, khuyến, quyền...). Cuối cùng, yêu cầu các em tìm và đọc các âm tiết liền nhau có chứa nguyên âm đôi. Ví dụ như: Tiến chiến, mừng tượng, mượn tiền đưa mua bia...

4.1.2. GV có thể chỉ ra cho HS thấy một số quy tắc về sự kết hợp của các nguyên âm với các thành phần khác trong âm tiết, từ đó hướng dẫn HS cách sửa và tránh các lỗi hay mắc phải

Nguyên âm đôi /ie/ được thể hiện bằng cách viết "ia" và "iê" trong các âm tiết mở, không có âm đệm /w/ nguyên âm đôi /ie/ được ghi bằng "ia" như: *mía, thía, chia, tia, lia*... Trong âm tiết đóng, không có âm đệm /w/ nguyên âm đôi /ie/ được ghi bằng "iê" như: *Chiếu, miến, biết, miến*...

Nguyên âm đôi /ie/ được ghi bằng "ya", "yê". Trong các âm tiết mở, có âm đệm /w/ nguyên âm đôi /ie/ được ghi bằng "ya", như: *Khuya, luya, phéc mơ tuya*... Trong các âm tiết đóng, có âm đệm /w/, nguyên âm đôi /ie/ được ghi bằng "yê", như: *Huyện, quyển, tuyên, quyết*...

Khi nguyên âm đôi /ie/ đứng đầu âm tiết không mở cũng được ghi bằng "yê". Ví dụ: *Yêu, yêng, yêm, yết, yên*...

4.2. Chữa lỗi chính tả tiếng Việt của HS dân tộc Tày, Nùng do viết sai quy tắc chính tả

Nguyên nhân cơ bản của các lỗi phụ âm đầu là cách phát âm không chuẩn của cả dân vùng Bắc Bộ do ảnh hưởng cách phát âm phương ngữ Bắc của tiếng Việt. Việc không phân biệt được các âm *s/x; tr/ch; d/r/gi* khi phát âm đã ảnh hưởng lớn đến cách viết của HS. Ngoài ra, tiếng Tày - Nùng không có các phụ âm *s, r, tr* nên các từ tiếng Việt có các phụ âm này đều được các em phát âm bằng các phụ âm không quạt lưỡi tương ứng. Do đó, 21 phụ âm đầu của âm tiết tiếng Việt được các em HS dân tộc Tày, Nùng phát âm chỉ còn 18 yếu tố. Những phụ âm quạt lưỡi được phát âm thành phụ âm không quạt lưỡi. Cách phát âm không chuẩn đã ảnh hưởng không nhỏ tới việc rèn luyện kĩ năng viết cho HS trong nhà trường phổ thông nói chung và HS dân tộc Tày, Nùng nói riêng. Chúng ta đều biết chữ quốc ngữ là viết ghi âm. Giữa chữ và âm, giữa cách viết và cách đọc có sự phụ hợp tương đối về nguyên tắc, phát âm theo thị ghi âm thế ấy. Do vậy "với chữ viết ghi âm như chữ quốc ngữ chúng ta, cơ sở quyết định chính tả là phát âm" [1]. Như vậy, "nói ảnh hưởng đến viết" vẫn là nguyên nhân chung của lỗi phụ âm đầu.

4.3. Lỗi do không phân biệt r / d / gi

Với các loại lỗi này, HS có thể nhớ một số quy tắc để phân biệt gi và d như sau:

- Nếu một từ có hai hình thức viết, một trong hai hình thức viết đó viết bằng tr thì từ đó viết bằng gi: *giàng-trăng; giấu-trấu; giai-trai; giông-trông, gianh-tranh*...

- Trong từ lấy vần: R lấy với b và c/k còn gi và d không lấy: *Bút rút, bùn rùn, co ro, cập rập*...; r và d lấy với l, còn gi thì có khả năng lấy: *Liu diu, lim dim, lò dò, lảm rảm, ào rào, lai rai*...

- Trong từ lấy âm, các âm đầu giống nhau nên chỉ cần biết một tiếng viết bằng chữ cái đầu nào;

- Xét về nguồn gốc: Không có từ Hán Việt đi với r; trong các từ Hán Việt: D đi với dấu ngã và nặng; gi đi với

(Xem tiếp trang 62)